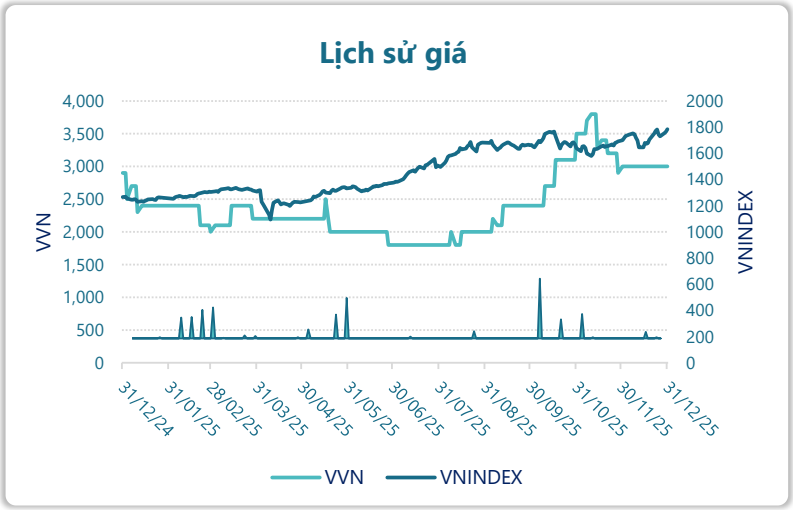
FireAnt

Tổng CTCP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (UPCOM: VVN)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,800
SL cổ phiếu LH	55,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	165
P/E	-0.3
EPS	-11,593

DT thuần

Q4/25

1,229

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 304| 32.8%

YoY: ▼133| -9.8%

LN sau thuế

Q4/25

-356

tỷ VNĐ

QoQ: ▼253| -245%

YoY: ▼268| -306%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-9.6%

+/- YoY: ▼ 3.9%

DT thuần

2025

4,005

tỷ VNĐ

YoY: ▼396| -9.0%

LN sau thuế

2025

-621

tỷ VNĐ

YoY: ▼153| -32.7%

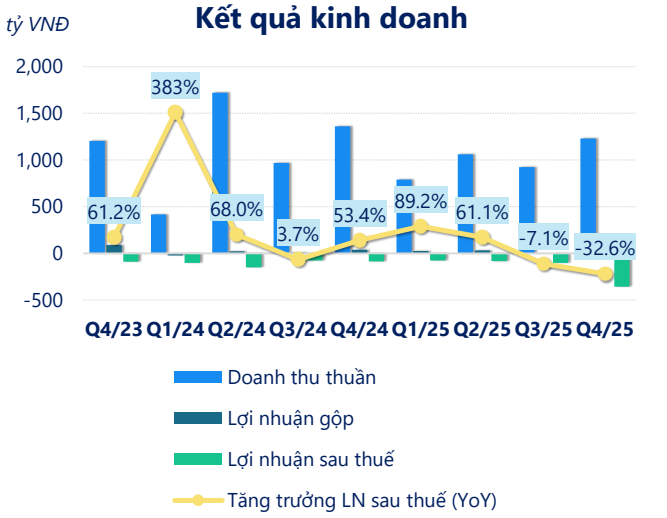
ROE

2025

26.3%

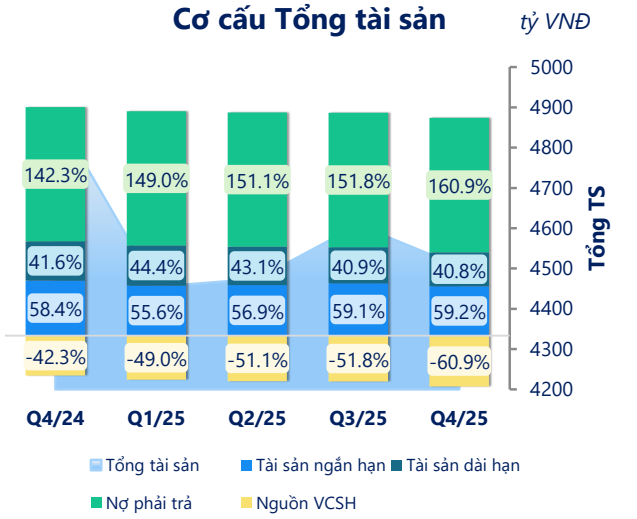
+/- YoY: ▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh



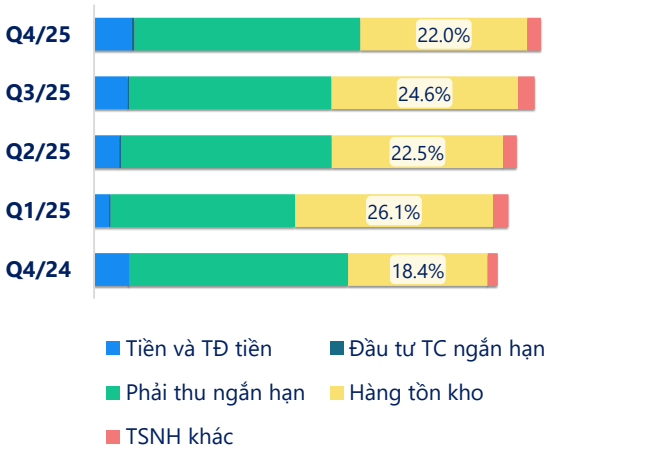
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



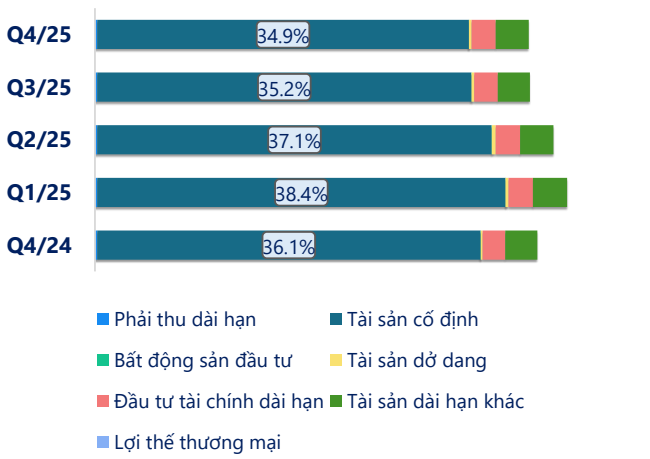
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



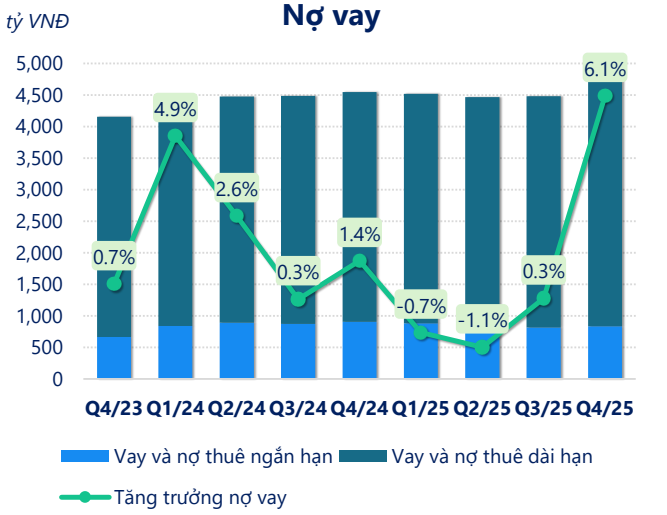
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



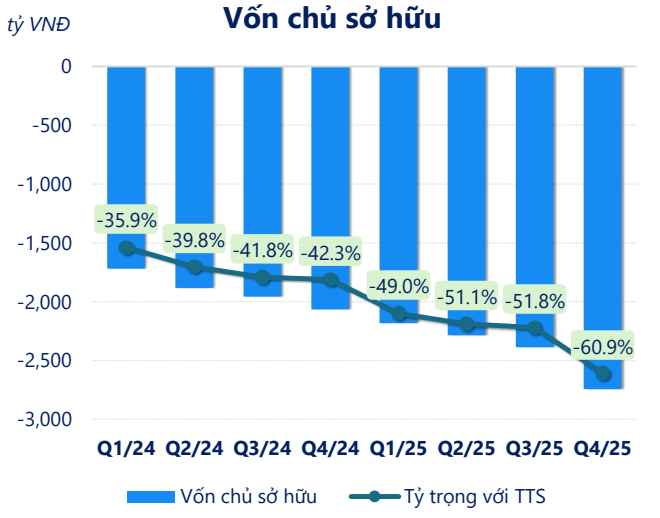
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



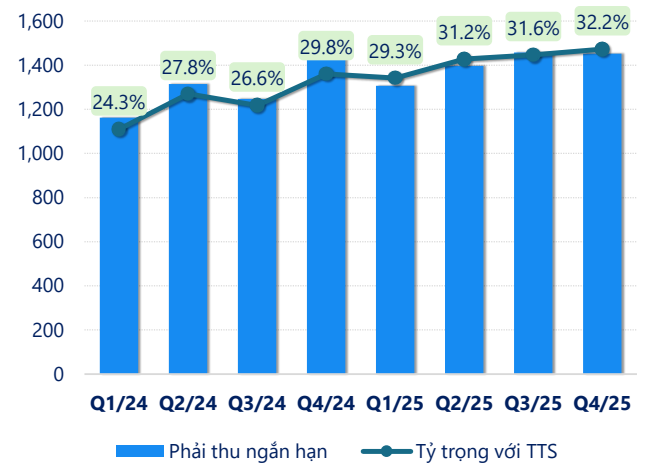
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



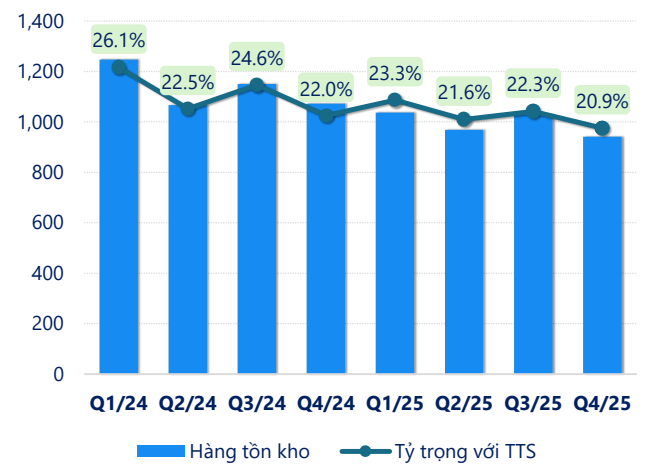
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



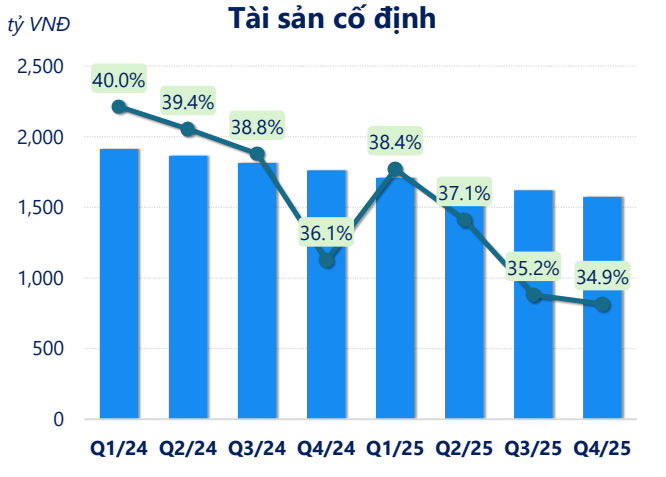
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



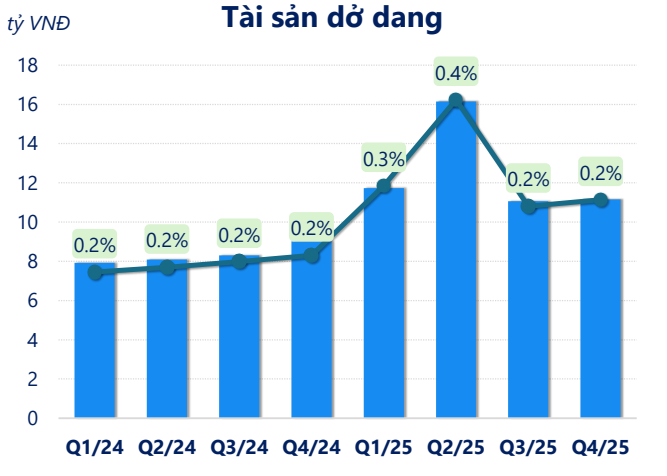
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



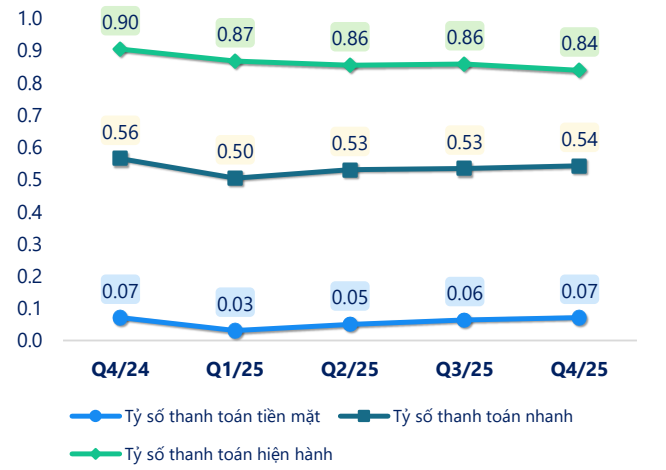
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



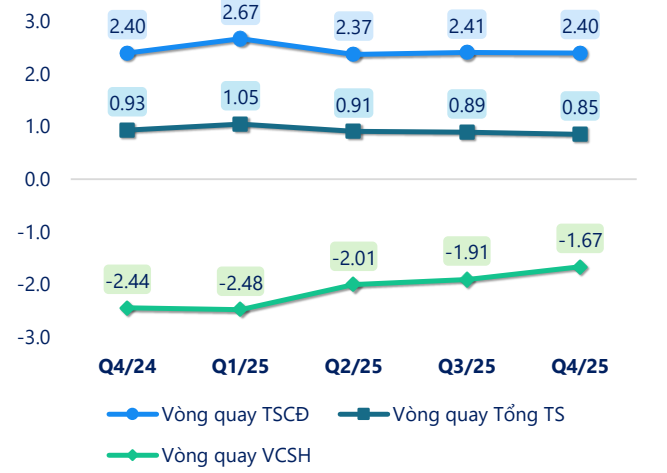
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**4,885**	**4,454**	**4,475**	**4,608**	**4,506**
Tài sản ngắn hạn	**2,853**	**2,477**	**2,546**	**2,723**	**2,668**
Tiền và tương đương tiền	224	88.3	149	203	226
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	9.73	9.95	12.3	28.1
Phải thu ngắn hạn	1,454	1,307	1,397	1,458	1,452
Hàng tồn kho	1,073	1,037	968	1,028	942
Tài sản ngắn hạn khác	87.9	34.4	21.7	22.2	21.0
Tài sản dài hạn	**2,032**	**1,978**	**1,929**	**1,885**	**1,838**
Phải thu dài hạn	9.76	9.76	9.76	10.1	9.77
Tài sản cố định	1,761	1,709	1,659	1,621	1,574
Bất động sản đầu tư	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
Tài sản dở dang	9.02	11.7	16.2	11.1	11.2
Đầu tư tài chính dài hạn	103	102	102	102	102
Tài sản dài hạn khác	147	144	140	139	139
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**6,951**	**6,637**	**6,760**	**6,994**	**7,250**
Nợ ngắn hạn	**3,154**	**2,855**	**2,977**	**3,173**	**3,181**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	904	884	841	816	835
Phải trả người bán ngắn hạn	1,307	1,166	1,096	1,134	1,191
Nợ dài hạn	3,797	3,782	3,783	3,821	4,070
Vay và nợ thuê dài hạn	3,644	3,634	3,626	3,665	3,918
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-2,066**	**-2,182**	**-2,286**	**-2,386**	**-2,745**
Vốn chủ sở hữu	**-2,066**	**-2,182**	**-2,286**	**-2,386**	**-2,745**
Vốn điều lệ	550	550	550	550	550
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)